TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ LĨNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:07/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2017.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ LĨNH TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dần.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà: Nông Diệu Huế.

2.Ông: Hoàng Văn Dự.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Xuân- Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng không tham gia phiên tòa.*

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 04/2017/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2017;Quyết định hoãn phiên tòa số:01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2017 Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bế Ngọc A. sinh năm:1991.
Trú tại: Xóm NR, CC, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quang D. sinh năm:1990.
Trú tại: Xóm NK, Thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Bế Ngọc A trình bày như sau:

Năm 2014 tôi và anh Lê Quang D xây dựng gia đình có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng ngày 21/01/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau bên nhà chồng tại Xóm NK, Thị

trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Năm 2014 tôi sinh cháu Lê Thanh T, sinh ngày 30/10/2014. Trong quá trình sống chung với nhau giữa tôi và anh D chưa có gì mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 6/2015 chúng tôi bắt đầu có sự mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi anh Lê Quang D mắc vào tệ nạn xã hội hay say rượu và đập phá nhà cửa, đồ đạc trong nhà, còn thành viên gia đình nhà chồng lạnh nhạt, vô tâm đối xử với tôi không tốt. Đặc biệt do chồng tôi dính vào ma túy đã đi cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn không dứt được, mâu thuẫn càng trở nên căng thẳng hơn do một hôm chồng tôi uống rượu say về đập phá nhà cửa. Vì sợ nên tôi không dám ra mở cửa cho chồng đã nhờ mẹ chồng ra mở cửa. Sau đó tôi bị mẹ chồng chửi nên tôi cùng con gái đã về nhà ngoại cho đến nay. Từ ngày về bên ngoại Anh Lê Quang Dkhông còn quan tâm đến hai mẹ con tôi nên tôi viết đơn đến Tòa án yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang D.
Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quang D.
Về con chung: Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Lê Thanh T. Tôi không yêu cầu anh Lê Quang D phải cấp dưỡng nuôi con chung.
Về tài sản, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại lời khai ngày 01/6/2017 trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Quang D có ý kiến như sau:

Tôi và chị Bế Ngọc A kết hôn năm 2014. Hai vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Lê Thanh T, sinh ngày 30/10/2014. Đến năm 2016 bắt đầu có sự mâu thuẫn là do tôi đi uống rượu về gọi cửa nhưng chị A không ra mở và nhờ mẹ tôi ra mở sau đó mẹ tôi đã nói chị A nên chị A đã bỏ về nhà ngoại sinh sống. Nay chị Bế Ngọc A viết ra tòa để xin ly hôn với tôi.
Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với chị Bế Ngọc A.
Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản, nợ chung nên tôi không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.
Về con chung: Tôi đồng ý giao con chung Lê Thanh T, sinh ngày 30/10/2014 cho chị Bế Ngọc A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ngoài ra anh Lê Quang D không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhận định các vấn đề cần giải quyết như sau:
Về tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng.

Anh Lê Quang D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để đến Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh Lê Quang D đều vắng mặt. Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được ngày 09/6/2017. Về triệu tập để xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 cho anh Lê Quang D được thể hiện trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dụng vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bế Ngọc A và anh Lê Quang D kết hôn năm 2014, trên cơ sở có tìm hiểu nhau, tự nguyện và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2014 chị A sinh cháu Lê Thanh T, ngày 30/10/2014. Tuy nhiên mâu thuẫn hai vợ chồng đã phát sinh từ khoảng tháng 6/2015. Do anh Lê Quang D mắc vào tệ nạn xã hội nên đã không chăm sóc quan tâm đến hai mẹ con chị A. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và anh Lê Quang D đã có ý kiến nhất trí ly hôn với chị A. Tòa án xét thấy, giữa hai người đã không còn quan tâm đến nhau (Chị A đã bỏ về bên ngoại đến nay đã được gần hai năm). Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân làm vào tình trạng trần trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được" nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Bế Ngọc A được ly hôn với anh Lê Quang D.

[2].*Về con chung:* Cháu Lê Thanh T, sinh ngày 30/10/2014 đến ngày xét xử vụ án hôm nay (11/7/2017) cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Anh Lê Quang D đã đồng ý giao con chung cho chị A. Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A là được nuôi dưỡng con chung là đúng theo ý kiến của chị A và anh D (Theo biên bản lấy lời khai của anh Lê Quang D vào ngày 01/6/2017). Chị Bế Ngọc A không yêu cầu anh Lê Quang D cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Quang D.

[3].*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Bế Ngọc A và anh Lê Quang D đều không yêu cầu nên Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án

này mà sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác nếu đơn yêu cầu của các đương sự.

[4]. *Về án phí, lệ phí Tòa án:* Theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Bế Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Bế Ngọc A và anh Lê Quang D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Ngọc A được ly hôn anh Lê Quang D.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thanh T, sinh ngày 30/10/2014 cho chị Bế Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Quang D. Anh Lê Quang D có quyền thăm nuôi con chung. chị A không có quyền ngăn cản gặp gỡ, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bế Ngọc A phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. (Xác nhận chị A đã nộp tiền theo biên lai tạm ứng án phí số: AA/2011/02107 ngày 03/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Lĩnh).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Bế Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Quang D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh,*
- *Viện KSND huyện,*
- *UBND Thị trấn HQ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trà Lĩnh,
- Các đương sự,
- Chi cục THA DS huyện,
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Vi Khánh Dần